

Số/Ref.: 35/2025/CBTT-AAN

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025
Ha Noi, October 30, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

- Kính gửi/To:**
- Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước
State Securities Commission of Vietnam
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Vietnam Stock Exchange
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Ha Noi Stock Exchange

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN**
Name of organization: A AN FOOD JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán: AAN
Ticker symbol: AAN
- Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Address: 14th Floor, Diamond Flower Building, No. 48 Le Van Luong Street, N1 New Urban Area, Yen Hoa Ward, Hanoi City, Vietnam
- Điện thoại liên hệ: 1900 6869
Tel.: 1900 6869
- E-mail: ir@aan.vn

2. Nội dung công bố:

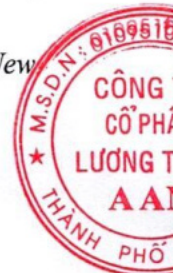
Contents of disclosure:

Báo cáo tài chính Riêng Quý 3 năm 2025/ *Separate Financial Statements for the third quarter of 2025.*

Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 3 năm 2025/ *Consolidated Financial Statements for the third quarter of 2025.*

Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC Riêng Quý 3 năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 // *Explanation of changes in profit after tax on Separate Financial Statements for the third quarter of 2025 compared the same period in 2024.*

Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC Hợp nhất Quý 3 năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 // *Explanation of changes in profit after tax on Consolidated Financial Statements for the third quarter of 2025 compared the same period in 2024.*



3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/10/2025 tại đường dẫn: <http://aan.vn>.

This information was published on the company's website on October 30, 2025 at <http://aan.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

We certify that the information presented is true and correct, and we accept full legal responsibility for its validity./

Tài liệu đính kèm/Attachment:

Báo cáo tài chính Riêng quý 3 năm 2025/
Separate Financial Statements for the third quarter of 2025.

Báo cáo tài chính Hợp nhất quý 3 năm 2025/
Consolidated Financial Statements for the third quarter of 2025.

Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC Riêng quý 3 năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 // *Explanation of changes in profit after tax on Separate Financial Statements for the third quarter of 2025 compared the same period in 2024.*

Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC Hợp nhất quý 3 năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 // *Explanation of changes in profit after tax on Consolidated Financial Statements for the third quarter of 2025 compared the same period in 2024.*

Đại diện tổ chức

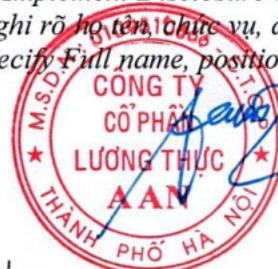
Representative

Người UQ CBTT

Person to Implement Disclosure of Information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Sign, specify Full name, position and stamp)



TRƯƠNG ĐỨC NAM





Lành gạo - Ngon cơm

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ III NĂM 2025

THÁNG 10 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

Mẫu số B01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số TM	30/09/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.324.707.167.637	1.017.750.731.093
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110 V.1	4.143.733.406	66.675.068.884
1. Tiền	111	4.143.733.406	53.675.068.884
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	13.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	144.999.000.000	163.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123 V.2	144.999.000.000	163.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	465.003.429.723	296.323.407.020
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131 V.3	438.389.052.127	264.659.230.063
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132 V.4	4.175.085.390	9.355.535.399
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136 V.5a	22.439.292.206	22.118.475.158
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	190.166.400
IV. Hàng tồn kho	140	681.001.341.207	478.353.276.671
1. Hàng tồn kho	141 V.6	681.001.341.207	478.353.276.671
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	29.559.663.301	13.398.978.518
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151 V.7a	3.783.669.509	1.704.583.271
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	25.775.993.792	11.694.395.247
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

Mẫu số B01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số TM	30/09/2025	01/01/2025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	262.248.562.592	267.811.185.305
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	21.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216 V.5b	21.000.000	-
II. Tài sản cố định	220	247.451.347.299	255.436.923.586
1. Tài sản cố định hữu hình	221 V.10	188.065.187.735	192.237.460.200
- Nguyên giá	222	290.816.131.689	276.756.421.924
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(102.750.943.954)	(84.518.961.724)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227 V.9	59.386.159.564	63.199.463.386
- Nguyên giá	228	70.138.952.879	70.138.952.879
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(10.752.793.315)	(6.939.489.493)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
- Nguyên giá	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	820.926.066	1.224.936.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242 V.8	820.926.066	1.224.936.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	13.955.289.227	11.149.325.719
1. Chi phí trả trước dài hạn	261 V.7b	13.914.425.471	11.149.325.719
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262 V.11	40.863.756	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
5. Lợi thế thương mại	269	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.586.955.730.229	1.285.561.916.398

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

Mẫu số B01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số TM	30/09/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	1.122.831.476.772	846.532.329.102
I. Nợ ngắn hạn	310	1.122.831.476.772	846.532.329.102
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311 V.12	288.078.277.614	75.193.371.510
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 V.13	2.153.910.038	20.710.639.433
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 V.14	6.086.649.998	2.497.737.578
4. Phải trả người lao động	314	2.973.930.390	2.957.564.870
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 V.15	6.620.060.484	4.840.927.966
9. Phải trả ngắn hạn khác	319 V.16	689.894.080	180.457.535
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 V.17	816.228.754.168	740.151.630.210
II. Nợ dài hạn	330	-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	464.124.253.457	439.029.587.296
I. Vốn chủ sở hữu	410 V.18	464.124.253.457	439.029.587.296
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	350.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	350.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	112.534.121.743	87.441.825.237
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a	87.441.825.237	59.471.396.810
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	25.092.296.506	27.970.428.427
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	1.590.131.714	1.587.762.059
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.586.955.730.229	1.285.561.916.398

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Thị Trà Giang

Phạm Thị Trang

Trương Mạnh Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

Mẫu số B02 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	831.225.256.571	792.536.600.459	2.454.441.106.655	1.511.681.363.769
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.371.003.554	699.747.461	5.544.099.420	6.318.003.388
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	828.854.253.017	791.836.852.998	2.448.897.007.235	1.505.363.360.381
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	785.986.865.705	763.263.092.707	2.326.285.440.766	1.436.020.903.340
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		42.867.387.312	28.573.760.291	122.611.566.469	69.342.457.041
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.800.889.504	509.957.378	5.409.655.624	918.086.417
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	11.653.319.566	7.405.711.687	34.118.929.460	14.711.415.765
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		11.192.186.655	6.956.646.609	32.744.046.142	13.812.853.152
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	12.516.648.601	10.483.527.039	39.061.085.313	28.957.921.625
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	7.995.448.753	4.624.663.512	24.303.682.962	13.501.145.113
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		12.502.859.896	6.569.815.431	30.537.524.358	13.090.060.955
12. Thu nhập khác	31	VI.9	485.485.703	28.750.273	1.600.986.460	139.639.891
13. Chi phí khác	32	VI.10	514.627	27.774.445	322.304.577	40.392.414
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		484.971.076	975.828	1.278.681.883	99.247.477

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025 (Tiếp theo)

Mẫu số B02 – DN/HN
 Đơn vị tính: VND

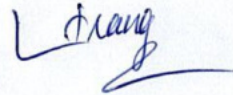
CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.987.830.972	6.570.791.259	31.816.206.241	13.189.308.432
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	2.637.511.761	1.635.227.112	6.762.403.836	2.993.017.240
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	(40.863.756)	-	(40.863.756)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.391.182.967	4.935.564.147	25.094.666.161	10.196.291.192
Cổ đông của Công ty mẹ	61		10.390.580.797	4.935.815.199	25.092.296.506	10.194.526.449
Cổ đông không kiểm soát	62		602.170	(251.052)	2.369.655	1.764.743
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	297	141	717	291

Người lập biểu



Nguyễn Thị Trà Giang

Kế toán trưởng



Phạm Thị Trang

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Tổng Giám đốc



Trương Mạnh Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

Mẫu số B03 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.816.206.241	13.189.308.432
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		22.045.286.052	20.677.152.306
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.409.655.624)	(929.668.024)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	32.744.046.142	13.812.853.152
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		81.195.882.811	46.749.645.866
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(188.500.718.718)	61.814.689.893
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(202.648.064.536)	(164.987.157.366)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		195.685.522.029	(31.097.267.613)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(4.844.185.990)	(901.568.363)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(32.801.333.402)	(13.613.290.448)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(2.388.562.109)	(7.162.531.913)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(154.301.459.915)	(109.197.479.944)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(7.387.373.760)	(51.572.712.481)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	304.700.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(41.999.000.000)	(71.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		60.000.000.000	24.000.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.079.374.239	581.381.864
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.693.000.479	(97.686.630.617)

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

Mẫu số B03 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.278.416.964.060	628.390.686.410
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.202.339.840.102)	(398.814.370.500)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		76.077.123.958	229.576.315.910
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(62.531.335.478)	22.692.205.349
Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60		66.675.068.884	28.241.859.892
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	4.143.733.406	50.934.065.241

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Trà Giang

Kế toán trưởng

Phạm Thị Trang

Tổng Giám đốc



Trương Mạnh Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

2. **Khái quát về Công ty:**

Công ty Cổ phần Lương thực A An được thành lập vào ngày 27/01/2021 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0109510866 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 05 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi vốn điều lệ, thông tin người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 số 0109510866 được phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 02 năm 2025.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 05: 350.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2025: 350.000.000.000 VND.

TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 1900 6869

Mã số thuế : 0 1 0 9 5 1 0 8 6 6

3. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, Thương mại

4. **Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
- Xay xát và sản xuất bột thô
- Xuất khẩu gạo.

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

6. **Cấu trúc công ty:**

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực A An tại Thành phố Hồ Chí Minh (*)	Số 144-146-148 đường số 11, Khu phố 5 - Phường An Phú - TP Hồ Chí Minh	Bán buôn, bán lẻ gạo
Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực A An tại Đồng Tháp	Đường ven Sông Hậu, ấp An Ninh, Xã Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất, bán buôn, bán lẻ gạo và hoạt động xay xát

(*) Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực A An tại Thành phố Hồ Chí Minh chính thức chấm dứt hoạt động từ ngày 13/5/2025 theo Thông báo cùng ngày số 315210/25 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính TP. HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yên Đăng	Số 494 Ấp Tân Quới, Xã Thanh Đông, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Buôn bán thực phẩm, xay xát và sản xuất bột thô.	99%	99%
Công ty TNHH Dầu gạo A An – Oryza	Ấp Giồng Cát, xã Vĩnh Gia, tỉnh An Giang, Việt Nam	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	100%	100%

Hiện các công ty con đang hoạt động bình thường.

II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực A An (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm, phụ phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kì kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phân đất công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (472 tháng).

Chi phí trả trước khác

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 28
Máy móc và Thiết bị	04 – 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

TSCĐ vô hình của Công ty là:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng đến ngày 07/01/2061 tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 55 xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; diện tích 31.868 m². Thời gian khấu hao quyền sử dụng đất này tại đơn vị là 450 tháng.
- Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng đến ngày 02/01/2058 tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 1 xã Hội An, tỉnh An Giang; diện tích 7.672 m². Thời gian khấu hao quyền sử dụng đất này tại đơn vị là 412 tháng.
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại các thửa đất số 1123, 911, 786 tại tờ bản đồ số 9, ấp Tân Quới, xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 6 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì công ty được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Trường hợp máy móc thiết bị hoạt động dưới công suất bình thường, chi phí sản xuất chung cố định được phân bổ vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản phẩm nhập kho theo mức công suất bình thường. Phần chi phí sản xuất chung cố định bị loại trừ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý công ty (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý công ty; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu***Lãi cơ bản trên cổ phiếu***

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có khả năng được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2025	01/01/2025
Tiền	4.143.733.406	53.675.068.884
Tiền mặt	1.161.175.132	1.049.243.896
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.982.558.274	52.625.824.988
Các khoản tương đương tiền	-	13.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng (hoặc dưới 3 tháng)	-	13.000.000.000
Cộng	4.143.733.406	66.675.068.884

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	144.999.000.000	144.999.000.000	163.000.000.000	163.000.000.000
Cộng	144.999.000.000	144.999.000.000	163.000.000.000	163.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng, lãi suất tiền gửi từ 4,2% - 5,5%/năm tại các ngân hàng:

- + Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội: 61.000.000.000 VND;
- + Ngân hàng TMCP Quân đội: 52.500.000.000 VND;
- + Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam: 15.000.000.000 VND;
- + Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN: 10.000.000.000 VND;
- + Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: 6.000.000.000 VND;
- + Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: 499.000.000 VND.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Nông nghiệp Lâm Tuyết	76.514.571.000	-
Công ty TNHH Lâm Phúc Thịnh Thốt Nốt	73.970.610.000	-
Công ty CP Chế biến Nông sản Thanh Hưng	65.931.232.500	30.846.000.000
Công ty CP Gentraco	46.891.113.540	30.009.023.540
Cty TNHH Phúc Tường Minh	36.801.771.875	-
Công ty TNHH Kinh doanh Phát triển Phát Đạt	29.528.725.375	-
Công ty TNHH Bia Carlsberg Việt Nam	25.715.082.780	-
Công ty CP Gạo Hạnh Phúc	22.512.712.687	1.435.280.900
Công ty TNHH Lương thực Cờ Đỏ	16.636.904.000	-
Công ty TNHH Nhà máy Bia Heineken Việt Nam	14.081.549.466	14.832.014.000
Công ty CP Thương mại Bách Hóa Xanh	9.742.131.476	15.261.126.246
Công ty CP Thực phẩm Richy Miền Bắc	5.531.910.300	5.680.206.000
Công ty TNHH Thực phẩm Orion Vina	3.060.540.000	-
Các khách hàng khác	11.470.197.128	166.595.579.377
Cộng	438.389.052.127	264.659.230.063

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2025	01/01/2025
Hợp tác xã Nông nghiệp Nông Thuận Phát	928.400.000	1.603.800.000
Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Matsuda Việt Nam	875.160.000	875.160.084
Hợp tác xã Nông nghiệp Dịch vụ và Du lịch Tân Thanh	607.500.000	1.335.000.000
Công ty TNHH MTV Lương thực Thoại Sơn	382.370.584	-
Công ty CP Du lịch Vietravel - Chi nhánh Đà Nẵng	287.612.925	-
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hà Gia Phát	240.390.000	-
Các nhà cung cấp khác	853.651.881	5.541.575.315
Cộng	4.175.085.390	9.355.535.399

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

5. Phải thu khác

	30/09/2025	01/01/2025
a. Ngắn hạn	22.439.292.206	22.118.475.158
Lãi tiền gửi dự thu	2.419.140.385	2.088.866.438
Ký cược, ký quỹ	20.000.700.000	20.021.400.000
- Công ty Cổ Phần CBOT Việt Nam (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
- Đặt cọc thẻ gửi xe	700.000	21.400.000
Tạm ứng cho CBCNV	19.250.541	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	201.280	8.208.720
b. Dài hạn	21.000.000	-
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	21.000.000	-
Cộng	22.460.292.206	22.118.475.158

(*) Công ty đặt cọc cho Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam theo Hợp đồng Thuê tài sản số 2024104/HĐTVLP/CB-AAN/2024 ký ngày 1/4/2024 và Phụ lục Hợp đồng số 20241511/HĐTVLP/CB-AAN/2024 ký ngày 15/11/2024, Phụ lục Hợp đồng số 20251512/HĐTVLP/CB-AAN/2025 ký ngày 15/3/2025 để thuê toàn bộ mặt bằng, tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 16, địa chỉ 145/18 Nguyễn Văn Hưởng, phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh để làm tài sản đảm bảo cho việc huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà. Số tiền đặt cọc: 20.000.000.000 VND, thời hạn thuê đến ngày 31/3/2026.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kì		Số đầu kì	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	67.888.385.749	-	163.032.844.865	-
Công cụ, dụng cụ	15.203.829.255	-	11.475.055.009	-
Thành phẩm, phụ phẩm	534.823.844.517	-	231.346.163.011	-
Hàng hóa	63.085.281.686	-	72.499.213.786	-
Cộng	681.001.341.207	-	478.353.276.671	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

7. Chi phí trả trước

	30/09/2025	01/01/2025
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	3.783.669.509	1.704.583.271
Công cụ, dụng cụ	801.168.962	445.155.440
Chi phí phần mềm quản lý	1.083.776.795	541.888.397
Chi phí kiểm nghiệm dư lượng lúa gạo	840.873.183	-
Chi phí thuê mặt bằng	125.777.778	24.000.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	932.072.791	693.539.434
b. Chi phí trả trước dài hạn	13.914.425.471	11.149.325.719
Quyền sử dụng đất	6.200.927.982	6.325.778.881
Công cụ, dụng cụ	391.527.134	213.330.372
Chi phí sửa chữa, bảo trì tài sản	4.325.356.657	1.635.685.736
Chi phí tư vấn quản trị doanh nghiệp	2.472.416.667	2.440.305.556
Các chi phí trả trước dài hạn khác	524.197.031	534.225.174
Cộng	17.698.094.980	12.853.908.990

8. Tài sản dở dang dài hạn

	30/09/2025	01/01/2025
- Chi phí dự án nghiên cứu giống lúa mới	820.926.066	-
- Chi phí di dời, lắp đặt máy móc thiết bị	-	1.224.936.000
Cộng	820.926.066	1.224.936.000

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	46.089.312.879	24.049.640.000	70.138.952.879
Giảm khác	-	-	-
Số cuối kì	46.089.312.879	24.049.640.000	70.138.952.879
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.559.191.715	5.380.297.778	6.939.489.493
Khấu hao trong năm	812.873.822	3.000.430.000	3.813.303.822
Số cuối kì	2.372.065.537	8.380.727.778	10.752.793.315
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	44.530.121.164	18.669.342.222	63.199.463.386
Số cuối kì	43.717.247.342	15.668.912.222	59.386.159.564

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

10. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	117.326.963.088	144.628.839.334	14.429.775.056	370.844.446	276.756.421.924
<i>Mua trong kỳ</i>	-	13.950.365.765	-	-	13.950.365.765
<i>Xây dựng hoàn thành</i>	109.344.000	-	-	-	109.344.000
Số dư cuối kỳ	117.436.307.088	158.579.205.099	14.429.775.056	370.844.446	290.816.131.689
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	23.537.465.098	54.388.039.767	6.470.792.412	122.664.446	84.518.961.724
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	5.153.940.096	11.607.306.135	1.422.033.385	48.702.614	18.231.982.230
Số dư cuối kỳ	28.691.405.194	65.995.345.902	7.892.825.797	171.367.060	102.750.943.954
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	93.789.497.990	90.240.799.567	7.958.982.644	248.180.000	192.237.460.200
Số dư cuối kỳ	88.744.901.894	92.583.859.197	6.536.949.259	199.477.386	188.065.187.735

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

11. Tài sản thuế hoãn lại

	30/09/2025	01/01/2025
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lợi nhuận chưa thực hiện đối với giao dịch nội bộ	40.863.756	-
Cộng	40.863.756	-

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2025	01/01/2025
Công ty CP Nông nghiệp Kiến Nông	107.570.328.500	-
Công ty TNHH Lương thực Gạo Việt	103.060.224.195	-
Công ty CP Lương Thực Vinarice Việt Nam	33.621.127.747	-
Công ty CP Sản xuất Thương mại XNK Gạo Việt	19.933.103.640	33.220.000.000
Công ty TNHH Hai thành viên XNK Lương thực Vinh Phát	3.578.547.000	-
Các nhà cung cấp khác	20.314.946.532	41.973.371.510
Cộng	288.078.277.614	75.193.371.510

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/09/2025	01/01/2025
Công ty TNHH MTV Huy Quang Tân Hiệp	138.000.000	276.000.000
Công ty TNHH Quang Dũng	476.336.398	61.950.661
Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Bích	219.325.500	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Duy	591.485.876	53.951.198
Công ty TNHH Lương thực Hồng Phát	84.533.100	84.533.100
Công ty CP Lương thực Bình Minh	-	13.899.180.472
Công ty CP Pacific Group	-	1.685.400.000
Các khách hàng khác	644.229.164	4.649.624.002
Cộng	2.153.910.038	20.710.639.433

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kì	Số phải nộp trong kì	Số đã thực nộp trong kì	Số cuối kì
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.693.145.009	6.762.403.836	2.388.562.109	6.066.986.736
Thuế thu nhập cá nhân	49.861.129	452.873.197	483.071.064	19.663.262
Các khoản thuế khác	-	14.000.000	14.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	754.731.440	113.639	754.845.079	-
Cộng	2.497.737.578	7.229.390.672	3.640.478.252	6.086.649.998

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025****Trước 01/7/2025:**

- Sản phẩm cây trồng chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường và các phụ phẩm phát sinh trong quá trình sơ chế bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại Không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT
- Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi chưa qua chế biến hoặc sơ chế bán cho hộ, cá nhân kinh doanh và các cá nhân, tổ chức khác và dịch vụ gia công xay xát lúa 5%
- Hàng hóa, dịch vụ khác 8%; 10%

Từ ngày 01/7/2025

- Sản phẩm cây trồng chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường và các phụ phẩm phát sinh trong quá trình sơ chế; dịch vụ gia công xay xát lúa 5%
- Hàng hóa, dịch vụ khác 8%; 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/09/2025	01/01/2025
Trích trước chi phí vận chuyển	2.734.202.160	1.546.711.795
Trích trước chi phí thuê tài sản, kho bãi	1.502.629.043	1.355.454.543
Trích trước chi phí lãi vay	664.766.603	742.138.183
Trích trước chi phí điện	325.027.912	253.536.104
Trích trước chi phí thuê gia công	35.678.994	405.534.013
Các khoản trích trước khác	1.357.755.772	537.553.328
Cộng	6.620.060.484	4.840.927.966

16. Phải trả ngắn hạn khác

	30/09/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	381.657.210	178.619.460
Bảo hiểm xã hội	228.633.870	-
Bảo hiểm y tế	39.346.325	-
Bảo hiểm thất nghiệp	18.491.160	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.765.515	1.838.075
Cộng	689.894.080	180.457.535

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Là các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng có kỳ hạn vay từ 5 – 6 tháng, lãi suất dao động từ 5,5% - 8,1%/năm, chi tiết như sau:

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngân hàng				
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Sở Giao Dịch	53.391.762.247	53.391.762.247	121.159.609.250	121.159.609.250
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà	389.973.771.169	389.973.771.169	356.944.025.000	356.944.025.000
Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN – CN Đồng Nai	149.899.128.632	149.899.128.632	149.970.000.000	149.970.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Thăng Long	71.097.205.065	71.097.205.065	54.999.622.460	54.999.622.460
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ	91.108.094.820	91.108.094.820	57.078.373.500	57.078.373.500
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Sài Gòn	46.343.186.534	46.343.186.534	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - CN Hàn Thuyên	14.413.998.882	14.413.998.882	-	-
Dự nợ thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - CN Hàn Thuyên	1.606.819	1.606.819	-	-
Cộng	816.228.754.168	816.228.754.168	740.151.630.210	740.151.630.210

18. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	350.000.000.000	59.471.396.810	1.579.666.632	411.051.063.442
Lợi nhuận	-	27.970.428.427	8.095.427	27.978.523.854
Số dư cuối năm trước	350.000.000.000	87.441.825.237	1.587.762.059	439.029.587.296
Số dư đầu năm nay	350.000.000.000	87.441.825.237	1.587.762.059	439.029.587.296
Lợi nhuận trong kì	-	25.092.296.506	2.369.655	25.094.666.161
Số dư cuối kì	350.000.000.000	112.534.121.743	1.590.131.714	464.124.253.457

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	30/09/2025	01/01/2025
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	0,00%	-	155.000.000.000
Công ty Cổ phần Siba Holdings	52,14%	182.500.000.000	182.500.000.000
Ông Trương Mạnh Linh	2,14%	7.500.000.000	-
Các cổ đông khác (tỉ lệ sở hữu dưới 5%)	45,72%	160.000.000.000	12.500.000.000
Cộng	100,00%	350.000.000.000	350.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

c) Cổ phiếu

	<u>30/09/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Số lượng cổ phiếu phát hành	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**a) Ngoại tệ các loại**

	<u>30/09/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Dollar Mỹ (USD)	880,96	898,89

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>30/09/2025</u>		<u>01/01/2025</u>	
	Giá trị	Nguyên nhân xóa nợ	Giá trị	Nguyên nhân xóa nợ
Hệ thống Siêu thị TH Mart - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại TH Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Cái Gia	3.247.200	Công nợ không có khả năng thu hồi	3.247.200	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Cái Gia	230.000.000	Công nợ không có khả năng thu hồi	230.000.000	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Đại Thanh Hải	84.459.533	Công nợ không có khả năng thu hồi	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Intimex Sài Gòn	90.166.400	Công nợ không có khả năng thu hồi	-	
Cộng	<u><u>407.873.133</u></u>		<u><u>233.247.200</u></u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025</u>	<u>Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024</u>
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm, phụ phẩm	2.449.754.531.346	1.511.681.363.769
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công xây xát lúa	4.686.575.309	-
Cộng	<u><u>2.454.441.106.655</u></u>	<u><u>1.511.681.363.769</u></u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025</u>	<u>Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024</u>
Chiết khấu thương mại	3.491.778.692	5.960.139.596
Hàng bán bị trả lại	2.052.320.728	357.863.792
Cộng	<u><u>5.544.099.420</u></u>	<u><u>6.318.003.388</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Doanh thu thuần bán hàng hoá, thành phẩm, phụ phẩm	2.444.210.431.926	1.505.363.360.381
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ gia công xây xát lúa	4.686.575.309	-
Cộng	2.448.897.007.235	1.505.363.360.381

4. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Giá vốn của thành phẩm, phụ phẩm, hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp	2.326.285.440.766	1.436.020.903.340
Cộng	2.326.285.440.766	1.436.020.903.340

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.409.648.186	917.536.998
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.438	549.419
Cộng	5.409.655.624	918.086.417

6. Chi phí tài chính

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Lãi tiền vay	32.744.046.142	13.812.853.152
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	43.284.777	10.444.251
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.143.998	4.482.000
Chi phí tài chính khác (thuê tài sản làm TSDB)	1.325.454.543	883.636.362
Cộng	34.118.929.460	14.711.415.765

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

7. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Chi phí nhân viên	13.621.007.161	13.567.042.524
Chi phí bao bì, dụng cụ, đồ dùng	2.639.667.586	77.800.494
Chi phí khấu hao TSCĐ	450.868.905	480.673.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.272.104.564	9.322.148.293
- Chi phí vận chuyển	14.615.086.402	4.833.625.539
- Chi phí bốc xếp	1.335.632.678	847.960.912
- Chi phí bán hàng qua sàn TMDT	497.819.121	117.664.424
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1.823.566.363	3.522.897.418
Chi phí bằng tiền khác	4.077.437.097	5.510.256.332
Cộng	39.061.085.313	28.957.921.625

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Chi phí nhân viên	12.839.362.947	6.003.787.542
Chi phí đồ dùng văn phòng	468.505.615	643.553.405
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.561.330.060	3.658.861.006
Thuế, phí, lệ phí	14.000.000	14.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.042.992.096	1.381.483.189
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.377.492.244	1.799.459.971
- Chi phí xây nhà tình nghĩa	1.000.000.000	-
- Chi phí tư vấn quản trị doanh nghiệp	685.000.000	92.472.222
- Chi phí quản lý khác	3.692.492.244	1.706.987.749
Cộng	24.303.682.962	13.501.145.113

9. Thu nhập khác

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Tiền bồi thường vận chuyển	653.314.258	109.308.235
Tiền bồi thường vi phạm hợp đồng	399.200.000	-
Tiền thưởng đoạt giải Chương trình TRVC (*)	331.230.436	-
Xử lý công nợ	111.130.886	13.300.000
Tài sản thừa (tiền chênh lệch đầu cân)	63.596.773	-
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ (chưa bù trừ với chi phí thanh lý)	-	277.000.000
Các khoản thu nhập khác	42.514.107	5.450.049
Cộng	1.600.986.460	405.058.284

(*) Ngày 20/8/2025, Công ty nhận được khoản tiền thưởng từ "Chương trình chuyển đổi chuỗi giá trị lúa gạo ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (TRVC)" vụ thứ 2 do Tổ chức phát triển Hà Lan (SNV) tổ chức, do đạt được kết quả xuất sắc trong việc sản xuất lúa gạo **phát thải thấp** tại Việt Nam; bao gồm giảm phát thải khí nhà

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

kính, điểm đánh giá độ tin cậy và kết quả kinh tế - xã hội. Theo đó, Công ty Cổ phần Lương thực A An đã đạt được tổng lượng giảm phát thải là **8.246,36 tấn CO2** (hay 8.246,36 tCO2e).

10. Chi phí khác

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Chi phí xử lý nợ (xóa nợ)	175.146.046	10.720
Các khoản bị truy thu, phạt vi phạm hành chính về thuế tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	147.150.542	72.150
Chi phí thanh lý TSCĐ (giá trị còn lại của TSCĐ)	-	265.418.393
Các khoản chi phí khác	7.989	40.309.543
Cộng	322.304.577	305.810.806

11. Chi phí thuế TNDN

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.762.403.836	2.993.017.240
- Chi phí thuế TNDN phát sinh từ lợi nhuận kỳ báo cáo	6.469.598.632	2.689.091.309
- Thuế TNDN phải nộp bổ sung các năm trước	292.805.204	303.925.931
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(40.863.756)	-
Tổng chi phí thuế TNDN	6.721.540.080	2.993.017.240

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2025	Giai đoạn 9 tháng đầu năm 2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.094.666.161	10.196.291.192
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.092.296.506	10.194.526.449
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	35.000.000	35.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	717	291

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Siba Holdings	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	Công ty mẹ là cổ đông lớn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Long An	Công ty mẹ là cổ đông lớn
Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam	Công ty mẹ là cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	Bên liên quan của Tổng Giám đốc
VIET AGRO PTE. LTD.	Công ty có cùng người đại diện theo pháp luật

Chi tiết giao dịch và số dư với các bên liên quan khác trong kỳ như sau:

<u>STT Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Phát sinh trong kì</u>	<u>Số dư cuối kì phải thu (phải trả)</u>	
1.	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	Công ty mẹ là cổ đông lớn	Thanh toán tiền hàng Mua hàng hoá	6.579.086.652 63.348.480	-
2.	Chi nhánh Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Long An	Công ty mẹ là cổ đông lớn	Thanh toán tiền hàng	193.860.864	-
3.	Công ty CP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	Công ty cùng Tập đoàn	Thu tiền bán hàng	47.713.536	-

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kì kế toán

Ngày 01/10/2025, Công ty CP Lương thực A An được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 339/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo các nội dung chính như sau:

- + Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- + Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- + Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu;
- + Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 30.000.000 cổ phiếu;
- + Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký chào bán theo mệnh giá: 300.000.000.000 đồng.

Ngày 08/10/2025, Công ty CP Lương thực A An nhận được Công văn số 13412/VSDC-ĐKCP.NV của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam về việc chấp thuận đăng ký cổ phiếu và cấp mã chứng khoán kể từ ngày 08/10/2025:

- + Tên cổ phiếu: Công ty CP Lương thực A An
- + Mã cổ phiếu: AAN
- + Số lượng CP đăng ký: 35.000.000 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2025

Ngày 09/10/2025, HĐQT Công ty CP Lương thực A An đã ban hành Nghị quyết số 09/10/2025/AAN-NQHĐQT về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với các nội dung chính sau:

- + Ngày đăng ký cuối cùng: 24/10/2025
- + Lý do và mục đích: Thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- + Số lượng chứng khoán dự kiến phát hành: 30.000.000 cổ phiếu;
- + Giá phát hành: 15.000 đồng/cổ phiếu
- + Tỷ lệ thực hiện: 35:30;
- + Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu: Từ 31/10/2025 đến 24/11/2025.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 09 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Trà Giang

Kế toán trưởng

Phạm Thị Trang



Tổng Giám đốc

Trương Mạnh Linh

